

Bản án số: 141/2019/HS-ST.
Ngày: 05-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Nhân;
2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 09 năm 2019; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 124/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 08 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2019/QĐXXST-HS ngày 22/08/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1963; nơi sinh: BD; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Giáo viên hưu trí; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Kim L; có chồng tên Nguyễn Ngọc T và 01 con sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 08/03/2019, có mặt.

2. Lê Đ, sinh năm 1983; nơi sinh: TV; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn N và bà Cao Thị Ngọc L; có vợ tên Nguyễn Thị Phương M và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 08/03/2019, có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1934, hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Phương Mai, sinh năm 1985; trú tại: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án như sau:

Nguyễn Thị Phương L và Lê Đ có mối quan hệ tình cảm nam nữ với nhau từ năm 2017. L là giáo viên đã nghỉ hưu, còn Đ không có nghề nghiệp ổn định. Quá trình sinh sống cùng gia đình tại địa phương, L biết mẹ chồng mình là bà Nguyễn Thị L1 ở cạnh nhà L, đã lớn tuổi, già yếu, thường hay ở nhà một mình, trên người bà L1 có đeo nhiều đồ trang sức bằng vàng. Khoảng đầu tháng 01/2019, do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, L nảy sinh ý định rủ Đ chiếm đoạt vàng của bà L1. Ngày 12/01/2019, L hẹn gặp Đ tại nhà nghỉ “Ý”, thuộc ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương và rủ Đ cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt vàng của bà L1 nhưng Đ từ chối. Những ngày sau đó, L tiếp tục thuyết phục Đ, đến ngày 16/01/2019 thì Đ đồng ý. L nói cho Đ biết về quy luật sinh hoạt thường ngày của bà L1, khi thực hiện chỉ dùng tay đặt lên cổ bà L1 đe dọa thì bà L1 sẽ sợ cho lấy tài sản, L kêu Đ chỉ chiếm đoạt dây chuyền và nhẫn vàng trên người bà L1.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 16/01/2019, L sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia màu đen sim số 0355.649551 gọi qua điện thoại di động hiệu Oppo Neo 7, sim số 0947.426145 của Đ kêu Đ (lúc này đang ở nhà nghỉ “Ý”) đi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà L1, Đ đồng ý. Khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô hiệu Jiulong, biển số 29R9 – 4097 đến dừng và đỗ xe ngoài đường cạnh cột điện trước cổng nhà L. L thấy Đ thì đi ra và chỉ cho Đ vị trí bà L1 đang nằm nghỉ trên võng trước hiên nhà bà L1 rồi đi vào nhà mình bật tivi xem, nhằm mục đích cảnh giới cho Đ. Theo hướng dẫn của L, Đ đi bộ vòng ra phía sau nhà L rồi đi cặp hông nhà vòng lên phía trước hiên chỗ võng bà L1 đang nằm. Đ tiến đến rồi ngồi xuống cạnh võng, Đ dùng hai tay đặt trên cổ bà L1 và yêu cầu bà L1 nằm yên không được la, bà L1 hoảng sợ nên thực hiện theo lời Đ. Đ bỏ hai tay ra khỏi cổ bà L1, dùng tay trái tháo 01 nhẫn vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ đang đeo trên ngón áp út bàn tay phải của bà L1. Sau đó, Đ tiếp tục dùng hai tay tháo dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 5,7 chỉ trên cổ bà L1 rồi bỏ nhẫn và dây chuyền vào túi quần sau bên phải, chạy nhanh ra cổng phía trước nhà, điều khiển xe mô tô biển số 29R9 – 4097 đến nhà nghỉ “Ý” ngủ.

Đối với bà Nguyễn Thị L1, khoảng 10 phút sau thì bình tĩnh lại và đi qua nói cho L biết sự việc. Do nghĩ khó tìm được hung thủ gây án nên bà L1 không trình báo công an.

Khoảng 06 giờ ngày 17/01/2019, L điện thoại cho Đ hẹn gặp tại khu vực gần nhà nghỉ “Ý”. Tại đây, L chia cho Đ 01 nhẫn vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ, còn L lấy 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 5,7 chỉ. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Đ mang nhẫn vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ đi đến tiệm vàng Thiên Tạo Sang (địa chỉ: Khu phố 1, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) bán được 10.300.000 đồng. Ngày 19/01/2019, L mang 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 5,7 chỉ đến tiệm vàng Ngọc Sương (địa chỉ: khu phố 7, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) bán được 7.800.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán nhẫn và dây chuyền L, Đ đã tiêu xài cá nhân.

Ngày 08/3/2019, Nguyễn Thị Phương L và Lê Đ đã đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Bến Cát tự thú toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của mình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã lập biên bản thu giữ:

- Xe mô tô hiệu Jiulong (kiểu xe Dream) màu tím - đen, biển số 29R9 – 4097, số máy VTMZS150FMG200005510;

- Điện thoại Nokia màu đen có sim số 0355.649551 của Nguyễn Thị Phương Loan;

Đối với tài sản bị chiếm đoạt gồm: 01 nhẫn vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ; 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 5,7 chỉ các tiệm vàng sau khi mua đã nấu lại vàng chế tạo sản phẩm khác.

Theo Kết luận về việc định giá tài sản ngày 08/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Bến Cát: 01 nhẫn vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ; 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 5,7 chỉ, tổng trị giá 26.931.300 đồng.

Đối với chiếc điện thoại Oppo Neo 7 có sim số 0947.426145, Lê Đ dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, khi ra tự thú Đ giao cho vợ là Nguyễn Thị Phương M (sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương) quản lý. Tuy nhiên, do sơ suất nên M đã để rơi vỡ làm hư hỏng máy và đã vứt bỏ.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Jiulong (kiểu xe Dream) màu tím - đen, biển số 29R9 – 4097, số máy VTMZS150FMG200005510 do Bùi Thị Q (sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội) đứng tên chủ sở hữu nhưng đã bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 1.000.000 đồng. Khoảng tháng 12/2018, Nguyễn Thị Phương M (vợ của Đ) mua lại của một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 2.800.000 đồng nhưng không đi công chứng mua bán.

Về trách nhiệm dân sự, bà L1 không yêu cầu bồi thường. Bà L1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Thị Phương L

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Phương L và Lê Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 146/CT-VKS ngày 05/08/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát đã quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Phương L và Lê Đ về tội “cướp tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Phương L, Lê Đ phạm tội :“Cướp tài sản”.

- Căn cứ Điểm e Khoản 2 Điều 168; Điểm r, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương L từ 05 năm đến 06 năm tù; xử phạt bị cáo Lê Đ từ 05 năm đến 06 năm tù.

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Nokia màu đen có sim số 0355.649551 của Nguyễn Thị Phương L. Trả lại 01 xe mô tô hiệu Jiulong (kiểu xe Dream) màu tím - đen, biển số 29R9 – 4097, số máy VTMZS150FMG200005510 cho bà Nguyễn Thị Phương M.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì đối với nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát và cũng không tranh luận gì đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo trình bày: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Do không có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên bị cáo Nguyễn Thị Phương L đã rủ Lê Đ thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Ngày 16/01/2019, bị cáo L có hành vi cảnh giới cho Lê Đ thực hiện hành vi dùng tay đè lên cổ bà L1, sinh năm 1934, là người già để đe dọa chiếm đoạt tài sản gồm 01 nhẫn vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ; 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 5,7 chỉ, tổng trị giá 26.931.300 đồng của bị hại Nguyễn Thị L1.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn thực hiện, thể hiện bản chất tham lam, liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Hành vi bị cáo L cảnh giới cho bị cáo Đ thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho bị hại L1 lâm vào tình trạng không thể chống cự để chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 26.931.300 đồng của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cướp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do đó, Cáo trạng số 146/CT-VKS ngày 05/08/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát cũng như ý kiến luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm đối với xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo L đã tự thú và tác động bị cáo Đ ra tự thú, bị hại L1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều r, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017. Ngoài ra gia đình bị cáo L có 04 người cậu ruột là liệt sỹ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

[4.3] Xét thấy, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có sự phân công rõ ràng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, bị cáo L là người khởi xướng, rủ rê và cảnh giới cho bị cáo Đ thực hiện tội phạm, bị cáo Đ là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương ứng với hành vi phạm tội đối với từng bị cáo đã gây ra.

Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại L1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 10.300.000 đồng của bị cáo Đ và số tiền 7.800.000 đồng của bị cáo L có được từ việc bán tài sản là tiền thu lợi bất chính nên cần truy thu để nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Jiulong (kiểu xe Dream) màu tím - đen, biển số 29R9 – 4097, số máy VTMZS150FMG200005510 là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Phương M. Bị cáo Đ dùng xe đi thực hiện hành vi cướp tài sản, bà M không biết nên cần trả lại cho bà Nguyễn Thị Phương M.

Đối với chiếc điện thoại Nokia màu đen có sim số 0355.649551 của Nguyễn Thị Phương L là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về chi phí tố tụng: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Phương L, Lê Đ phạm tội: “Cướp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ Điểm e Khoản 2 Điều 168; Điểm r, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương L 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/03/2019.

Xử phạt bị cáo Lê Đ 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/03/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Truy thu số tiền 7.800.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị Phương L và 10.300.000 đồng của bị cáo Lê Đ sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước một chiếc điện thoại Nokia màu đen có sim số 0355.649551 của bị cáo L.

- Trả lại chiếc xe mô tô hiệu Jiulong (kiểu xe Dream) màu tím - đen, biển số 29R9 – 4097, số máy VTMZS150FMG200005510, không kiểm tra được số khung cho bà Nguyễn Thị Phương M.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 03/09/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Bến Cát và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Huỳnh